

Bản án số: 60/2024/DS-ST  
Ngày 18/6/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thành Hiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Võ Thị H Tươi;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TU tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TU xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, địa chỉ: Ô 25B, DC02, tổ 01, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1983; thường trú: Số 509 tầng 6 khối B chung cư L, đường D1, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 10 đường E, khu phố M2, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và bà Phan Thị Minh C, sinh năm 1982; thường trú: Số 41/1/15A khu phố A3, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 04/01/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH GB, địa chỉ: khu phố 7, phường U, thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà G, sinh năm 1963; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà K, sinh năm 1967; địa chỉ: Công ty TNHH GB, khu phố 7, phường U, thành phố TU, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 22/01/2021); vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2021 đến năm 2023, ông Nguyễn Văn N nhiều lần cho Công ty TNHH GB (sau đây viết tắt là Công ty GB) vay tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Ngày 30/8/2023, ông Nguyễn Văn N và đại diện Công ty GB thống nhất chốt số nợ Công ty GB còn nợ ông N là 4.244.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*), thời hạn thanh toán là ngày 30/9/2023. Đến thời hạn thanh toán, Công ty GB không trả tiền cho ông N, ông N đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty GB không thanh toán và cũng không gặp mặt ông N để đưa ra phương án trả tiền làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông N.

Do đó, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH GB phải thanh toán số tiền vay gốc là 4.244.000.000 đồng. Đối với phần tiền lãi theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu Công ty TNHH GB phải thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/10/2023 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền 247.567.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi thời gian tính lãi, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) là 08 tháng 17 ngày với số tiền là 302.969.000 đồng. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn N yêu cầu Công ty TNHH GB phải thanh toán là 4.546.969.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Bị đơn Công ty TNHH GB đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TU tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố TU thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy uỷ quyền ngày 22/01/2021 của bà G là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH GB cho bà K làm thay giám đốc điều hành công ty từ ngày 22/01/2021 đến ngày 22/03/2024 và giấy xác nhận nợ ngày 30/08/2023 có đóng dấu mộc của công ty do bà K ký với tư cách đại diện công ty TNHH GB. Bà K ký giấy xác nhận nợ trong thời gian là người đại diện hợp pháp của công ty TNHH GB. Tòa

án đã thông báo, triệu tập người đại diện hợp pháp của bị đơn để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng đại diện bị đơn vắng mặt không lý do là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả cung cấp thông tin của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương thì Công ty TNHH GB, có địa chỉ trụ sở chính tại: khu phố 7, phường U, thành phố TU, tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700746991 ngày 25/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 21/8/2023, người đại diện theo pháp luật là G, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc. Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH GB không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn Công ty TNHH GB được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH GB trả số tiền 4.244.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2024) là 08 tháng 17 ngày là 302.969.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*), chứng cứ chứng minh là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 30/8/2023.

[5] Xét Giấy ủy quyền ngày 22/01/2021 của Công ty TNHH GB có nội dung “...G làm giấy ủy quyền toàn bộ cho bà K thay mặt tôi ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động và các thủ tục hành chính, thuế nhà nước, với các đối tác liên quan công việc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn GB, chịu trách nhiệm về các văn bản ký kết với các cơ quan ban ngành địa phương, trong khi tôi vắng mặt, được ký các văn bản thỏa thuận và các bên tài chính vay mượn, văn bản

hợp tác với bên thứ ba. Thời hạn ủy quyền từ ngày 22/01/2021 đến ngày 22/3/2024...”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Dân sự thì “*pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự*”. Như vậy, Công ty TNHH GB được quyền ủy quyền cho một cá nhân khác thay mặt công ty xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Mặt khác, theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020, chỉ có người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mới được đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp. Do đó, đối với doanh nghiệp chỉ có người đại diện theo pháp luật mới được ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 22/01/2021 do người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH GB là bà G ký xác nhận, có đóng dấu của Công ty TNHH GB xác nhận và bà K là bên nhận ủy quyền cũng ký tên xác nhận đồng ý nhận ủy quyền, văn bản ủy quyền này phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà K là người đại diện cho Công ty TNHH GB ký “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 30/8/2023, thể hiện có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 4.244.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/9/2023. Văn bản xác nhận nợ được thực hiện trong thời hạn bà K được Công ty TNHH GB ủy quyền. Theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Dân sự quy định “*Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện đối với người thứ ba phù hợp với phạm vi đại diện làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện*”. Do đó, có căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Văn N và Công ty TNHH GB đã xác lập hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì thời hạn vay đến ngày 30/9/2023, đến hạn thanh toán, Công ty TNHH GB không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 4.244.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với tiền lãi, hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất. Khi đến hạn trả nợ, Công ty TNHH GB không trả nợ cho ông N nên ông N yêu cầu Công ty TNHH GB phải trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 01/10/2023 đến ngày 18/06/2024 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) và thời gian Công ty TNHH GB chậm trả từ ngày 01/12/2023 đến ngày 18/6/2024 là 08 tháng 17 ngày, cụ thể số tiền lãi chậm trả: Số tiền gốc 4.244.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng 17 ngày = 302.969.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227,

Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 138, Điều 139, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn Công ty TNHH GB.

Buộc Công ty TNHH GB có nghĩa vụ thanh toán ông Nguyễn Văn N tổng số tiền 4.546.969.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*); trong đó nợ gốc là 4.244.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi là 302.969.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ngoài tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông N số tiền 56.245.500 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001910 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TU.

- Công ty TNHH GB phải chịu 112.546.969 đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố TU;
- Chi cục THADS thành phố TU;
- Các đương sự ;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Võ Thành Hiệp**



